

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 06 - 5 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Mạnh Hùng – Nguyên hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Bà Nông Thị Phương Anh – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Tổng Ngọc L, sinh năm 1996 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tổng Ngọc L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại “có mặt tại phiên tòa”.

Người bị hại:

Cháu Huỳnh Thị L, sinh ngày 06/01/2003; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L:

Ông Huỳnh Chiếm T, sinh năm 1968 và bà Võ Thị Ngọc Á, sinh năm 1968; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (cha mẹ ruột của người bị hại) “ông T vắng mặt, bà Á có mặt”.

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L: Bà Võ Thị Ngọc Á, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (mẹ ruột của người bị hại) “có mặt”.

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L tại phiên tòa:

Ông Đồng Quảng T, sinh năm 1963; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tống Ngọc L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “ông L vắng mặt; bà Ú có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2017 Tống Ngọc L, sinh năm 1996 quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương nam nữ với Huỳnh Thị L, sinh ngày 06/01/2003, hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi quen biết đến tháng 07/2017 trong một buổi đi dự sinh nhật bạn, L rủ L đi cùng, sau khi dự sinh nhật bạn xong thì L chở L đến nhà nghỉ S, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thuê phòng số 01 để ngủ qua đêm. Sau khi vào thuê phòng thì L và L đã tự nguyện thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau 01 lần dẫn đến L đã mang thai. Đến ngày 24/5/2018 thì L sinh một bé trai tên Huỳnh Minh K.

Sau khi biết được sự việc, ngày 05/8/2019, chị Võ Thị Ngọc Á là mẹ ruột của cháu L đã tố cáo hành vi của Tống Ngọc L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định trưng cầu giám định số 407 để xác định kiểu gen của Huỳnh Thị L, kiểu gen của bé trai tên Huỳnh Minh K, kiểu gen của Tống Ngọc L và kiểu gen của bé trai tên Huỳnh Minh K.

Tại bản kết luận giám định số: 4390/C09B ngày 15/10/2019 của Phân viện Kỹ thuật Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tống Ngọc L và Huỳnh Thị L là cha, mẹ ruột của cháu Huỳnh Minh K với xác suất 99,99%.

Ngày 16/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định trưng cầu giám định số 18, xác định tuổi của Huỳnh Thị L.

Tại bản kết luận giám định số 4707/C09B ngày 07/11/2019 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng. Xác định tại thời điểm giám định (tháng 10/2019) Huỳnh Thị L có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Tổng Ngọc L về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tổng Ngọc L mức án từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Tổng Ngọc L tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản trạng số 37/CT-VKS ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố đối với bị cáo.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, với kết luận điều tra, kết luận giám định pháp y về độ tuổi; kết luận giám định về kiểu gen, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng việc cháu Huỳnh Thị L, sinh ngày 06/01/2003 còn nhỏ tuổi nên khoảng 07/2017 Tổng Ngọc L đã cùng với cháu L thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng số 01 nhà nghỉ S, thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Tại bản kết luận giám định số: 4390/C09B ngày 15/10/2019 của Phân viện kỹ thuật Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tổng Ngọc L và Huỳnh Thị L là cha, mẹ ruột của cháu Huỳnh Minh K với xác suất 99,99%.

Tại bản kết luận giám định số 4707/C09B ngày 07/11/2019 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng. Xác định tại thời điểm giám định (tháng 10/2019) Huỳnh Thị L có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với cháu L dẫn đến việc cháu L có thai nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”* theo điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của người bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có thời gian tham gia trong quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo hiện đang còn đi làm, do đó để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội lao động, học tập nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại cháu Huỳnh Thị L và người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L là bà Võ Thị Ngọc Á không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 200.000.000 đồng mà ông Tổng Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ú là cha mẹ ruột bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo, đồng thời ông L và bà Ú cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Huỳnh Thị L tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Tống Ngọc L phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tống Ngọc L 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- UBND phường T, Tp Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA